

Số: 1117 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 07 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận sinh viên khối ngành sư phạm tự túc kinh phí

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 116/NĐ-CP, ngày 25/06/2020 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm có hiệu lực từ ngày 15/11/2020 và các văn bản hướng dẫn kèm theo;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng Trường; Nghị quyết số 31/NQ-HĐT, ngày 29/06/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 29/NQ-HĐT ngày 19/05/2020;

Căn cứ Đơn đề nghị tự túc học phí và chi phí sinh hoạt của sinh viên, năm học 2021-2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chấp thuận cho 97 sinh viên có tên sau đây thuộc Khóa 47 khối ngành sư phạm của Trường Đại học Cần Thơ không thụ hưởng chính sách hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt trong đào tạo giáo viên, từ năm học 2021 – 2022 đến năm học 2024 - 2025: (Danh sách kèm theo).

Điều 2. Các chế độ, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của sinh viên vẫn được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Trưởng phòng: Kế hoạch Tổng hợp, Tài chính, Đào tạo, Công tác Sinh viên; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, CTSV.



Hà Thanh Toàn

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 47 NỘP ĐƠN TỰ TÚC HỌC PHÍ, CHI PHÍ SINH HOẠT TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Năm học 2021 – 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCT, ngày /01/2022 của Hiệu trưởng)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành	Ghi chú
1.	B2112802	Phạm Trúc Linh	Giáo dục Tiểu học	
2.	B2112809	Nguyễn Thị Kim Ngân	Giáo dục Tiểu học	
3.	B2112824	Đông Thúy Tiên	Giáo dục Tiểu học	
4.	B2112866	Trịnh Trọng Quý	Giáo dục Tiểu học	
5.	B2112873	Cao Ngọc Trân	Giáo dục Tiểu học	
6.	B2100689	Trần Thị Tường Vi	Giáo dục Công dân	
7.	B2112892	Phan Lệ Huyền	Giáo dục Công dân	
8.	B2112901	Châu Kim Ngân	Giáo dục Công dân	
9.	B2112910	Ngô Thị Kiều Ngọc	Giáo dục Công dân	
10.	B2112934	Trần Minh Thư	Giáo dục Công dân	
11.	B2112937	Nguyễn Thị Trang	Giáo dục Công dân	
12.	B2112960	Trương Quốc Khánh	Giáo dục Thể chất	
13.	B2112971	Lý Thanh Thanh	Giáo dục Thể chất	
14.	B2107221	Trần Thái Phương Anh	Sư phạm Toán học	
15.	B2107228	Quách Chí Công	Sư phạm Toán học	
16.	B2107267	Nguyễn Bích Ngọc	Sư phạm Toán học	
17.	B2107291	Nguyễn Quế Trân	Sư phạm Toán học	
18.	B2107299	Phạm Hoàng Thúy Vy	Sư phạm Toán học	
19.	C2100153	Bùi Thị Hạnh Duyên	Sư phạm Toán học	Liên thông từ CD-ĐH
20.	C2100154	Nguyễn Ngọc Ngân	Sư phạm Toán học	
21.	C2100155	Huỳnh Trọng Nghĩa	Sư phạm Toán học	
22.	C2100157	Nguyễn Tường Vi	Sư phạm Toán học	
23.	B2100496	Hồ Thanh Thúy	Sư phạm Tin học	
24.	B2111288	Trần Minh Anh	Sư phạm Tin học	
25.	B2111292	Võ Tuấn Cường	Sư phạm Tin học	
26.	B2111294	Nguyễn Du	Sư phạm Tin học	
27.	B2111298	Dương Quốc Đoàn	Sư phạm Tin học	
28.	B2111301	Lê Hoàng Hiệp	Sư phạm Tin học	
29.	B2111303	Lê Nguyễn Gia Huy	Sư phạm Tin học	
30.	B2111319	Dương Tuyết Nghi	Sư phạm Tin học	
31.	B2111334	Lê Ngọc Quý	Sư phạm Tin học	
32.	B2111335	Đào Dương Lan Thanh	Sư phạm Tin học	
33.	B2111340	Trần Minh Thuận	Sư phạm Tin học	
34.	B2111343	Nguyễn Thị Anh Thư	Sư phạm Tin học	
35.	B2111347	Trần Bảo Trân	Sư phạm Tin học	
36.	B2107315	Đặng Thị Như Hạnh	Sư phạm Vật lý	
37.	B2107340	Trần Việt Nhân	Sư phạm Vật lý	
38.	B2107358	Trần Thanh Thảo	Sư phạm Vật lý	
39.	B2107363	Trần Thị Thanh Trà	Sư phạm Vật lý	
40.	B2107366	Võ Nguyễn Vân Tường	Sư phạm Vật lý	
41.	B2107367	Huỳnh Thị Hoàng Yên	Sư phạm Vật lý	

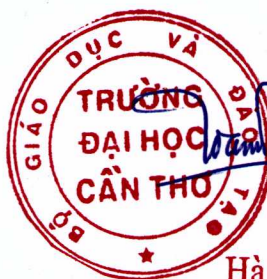
STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành	Ghi chú
42.	B2100212	Bùi Nguyễn Diễm Mi	Sư phạm Hóa học	
43.	B2100220	Lê Nhật Tân	Sư phạm Hóa học	
44.	B2107539	Từ Phước An	Sư phạm Hóa học	
45.	B2107555	Nguyễn Hồng Sơn	Sư phạm Hóa học	
46.	B2100257	Lưu Ngọc Bảo Khuyên	Sư phạm Sinh học	
47.	B2100294	Lâm Thị Ngọc Quý	Sư phạm Sinh học	
48.	B2107566	Nguyễn Thị Huỳnh Duy	Sư phạm Sinh học	
49.	B2107575	Võ Mỹ Huyền	Sư phạm Sinh học	
50.	B2107577	Nguyễn Hoàng Khánh	Sư phạm Sinh học	
51.	B2107587	Trần Thị Ngọc Mai	Sư phạm Sinh học	
52.	B2107591	Lê Chí Nguyên	Sư phạm Sinh học	
53.	B2107596	Huỳnh Bá Phát	Sư phạm Sinh học	
54.	B2100392	Trần Thanh Duyên	Sư phạm Ngữ văn	
55.	B2100396	Thị Sóc Khol	Sư phạm Ngữ văn	
56.	B2100404	Kha Trịnh Tú Quyên	Sư phạm Ngữ văn	
57.	B2107898	Hồng Minh Hòa	Sư phạm Ngữ văn	
58.	B2107910	Sơn Thái Châu Ngọc	Sư phạm Ngữ văn	
59.	B2107912	Nguyễn Thị Yên Nhi	Sư phạm Ngữ văn	
60.	B2107927	Nguyễn Thị Phương Thi	Sư phạm Ngữ văn	
61.	B2107949	Trần Thị Huyền Anh	Sư phạm Lịch sử	
62.	B2107956	Huỳnh Tấn Đạt	Sư phạm Lịch sử	
63.	B2107958	Nguyễn Thành Đạt	Sư phạm Lịch sử	
64.	B2107965	Nguyễn Ngọc Gấm	Sư phạm Lịch sử	
65.	B2107983	Đặng Thị Kim Ngân	Sư phạm Lịch sử	
66.	B2107986	Ngô Thuỷ Nguyên	Sư phạm Lịch sử	
67.	B2107987	Nguyễn Chí Nguyên	Sư phạm Lịch sử	
68.	B2107990	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Sư phạm Lịch sử	
69.	B2107996	Nguyễn Thị Ny	Sư phạm Lịch sử	
70.	B2108002	Trần Thị Minh Phương	Sư phạm Lịch sử	
71.	B2108017	Nguyễn Thị Huyền Trân	Sư phạm Lịch sử	
72.	B2108019	Nguyễn Quang Trí	Sư phạm Lịch sử	
73.	B2107875	Huỳnh Minh Thịnh	Sư phạm Địa lý	
74.	B2107879	Nguyễn Trương Thùy Trang	Sư phạm Địa lý	
75.	B2107881	Huỳnh Nguyễn Quế Trân	Sư phạm Địa lý	
76.	B2100522	Nguyễn Kim Thi	Sư phạm tiếng Anh	
77.	B2106981	Lý Nhật Anh	Sư phạm tiếng Anh	
78.	B2106987	Nguyễn Thị Vân ảnh	Sư phạm tiếng Anh	
79.	B2112692	Tiêu Doanh Doanh	Sư phạm tiếng Anh	
80.	B2112702	Thạch Thị Thiên Linh	Sư phạm tiếng Anh	
81.	B2112705	Nguyễn Đoàn Gia Nghi	Sư phạm tiếng Anh	
82.	B2112722	Phan Thị Thanh Trúc	Sư phạm tiếng Anh	
83.	B2112723	Trần Thị Kim Uyên	Sư phạm tiếng Anh	
84.	B2112731	Trần Thị Như Hảo	Sư phạm tiếng Anh	
85.	B2112732	Lư Bửu Phúc Hậu	Sư phạm tiếng Anh	
86.	B2112733	Huỳnh Hoa Hồng	Sư phạm tiếng Anh	
87.	B2112745	Nguyễn Minh Phát	Sư phạm tiếng Anh	



STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành	Ghi chú
88.	B2112751	Nguyễn Ngọc Mai Thảo	Sư phạm tiếng Anh	
89.	B2112755	Lê Hoàng Mỹ Trang	Sư phạm tiếng Anh	
90.	B2112756	Phạm Thị Thùy Trang	Sư phạm tiếng Anh	
91.	C2100052	Võ Thị Ngọc Thảo	Sư phạm tiếng Anh	Liên thông từ CĐ-ĐH
92.	C2100053	Trần Ngọc Cát Tường	Sư phạm tiếng Anh	
93.	C2100055	Vũ Thị Ngọc Mỹ	Sư phạm tiếng Anh	
94.	B2112764	Lư Kiều Diễm	Sư phạm tiếng Pháp	
95.	B2112767	Võ Nguyễn Nguyên Hân	Sư phạm tiếng Pháp	
96.	B2112768	Phạm Văn Hùng	Sư phạm tiếng Pháp	
97.	B2112773	Nguyễn Ngọc Gia Nghi	Sư phạm tiếng Pháp	

Tổng số theo danh sách có **97** người./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



Hà Thanh Toàn